

**CÔNG TY TNHH KIM KHÍ THÀNH CÔNG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH KIM KHÍ THÀNH CÔNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: KIM KHI THANH CONG COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: KIM KHÍ THÀNH CÔNG

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110125499

**3. Ngày thành lập:** 22/09/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 129 phố Ba La, Tổ dân phố số 1, Phường Phú Lương, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 098 731 5198

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                               | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                         | 4659        |
| 2.  | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                                            | 4661        |
| 3.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>(trừ kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu)                    | 4662(Chính) |
| 4.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                 | 4663        |
| 5.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>(trừ kinh doanh phân bón, thuốc trừ sâu, hóa chất) | 4669        |
| 6.  | Cho thuê xe có động cơ                                                                                  | 7710        |
| 7.  | Sản xuất sắt, thép, gang                                                                                | 2410        |
| 8.  | Sản xuất kim loại quý và kim loại màu<br>(không bao gồm sản xuất vàng miếng)                            | 2420        |
| 9.  | Đúc sắt, thép                                                                                           | 2431        |
| 10. | Đúc kim loại màu                                                                                        | 2432        |
| 11. | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                                          | 2511        |
| 12. | Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại                                              | 2512        |
| 13. | Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)                                                                | 2513        |
| 14. | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                                                        | 2591        |
| 15. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                            | 2592        |
| 16. | Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng                                             | 2593        |
| 17. | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu                                             | 2599        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 18. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)<br>Chi tiết:<br>Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định<br><br>Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi<br>Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng<br>Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô | 4931 |
| 19. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết:<br>- Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;                                                                                                                                                                                                            | 4932 |
| 20. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết:<br>Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                                                                                                                                                                                             | 4933 |
| 21. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 5510 |
| 22. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                                                                    | 5610 |
| 23. | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                | 3290 |
| 24. | Tái chế phế liệu                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 3830 |
| 25. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                | 4752 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

### 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                    | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|----------------|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | LÊ THỊ HẰNG    | Việt Nam  | Phòng 2503 Khu nhà ở CT Hemisco, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 200.000.000           | 10,000    | 001191050358                                                                                            |         |
| 2   | NGÔ TIẾN THÀNH | Việt Nam  | Phòng 2503 Khu nhà ở CT Hemisco, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 1.800.000.000         | 90,000    | 036088005448                                                                                            |         |

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGÔ TIẾN THÀNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 20/12/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 036088005448

Ngày cấp: 22/12/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Phòng 2503 Khu nhà ở CT Hemisco, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Phòng 2503 Khu nhà ở CT Hemisco, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội